

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 – 9 – 2025

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thái.

2. Ông Trương Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Cao Thị Út H**, sinh năm 1985. Căn cước công dân số: 094185007608, cấp ngày 25-8-2022. Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Danh T**, sinh năm 1985. Chứng minh nhân dân số: 365433159, cấp ngày 24-7-2000. Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị Út H trình bày:

Bà Cao Thị Út H và ông Danh T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 03-02-2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường N, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian đầu khi mới chung sống với nhau thì vợ chồng rất hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình hàn gắn nhưng hiện nay không thể hàn gắn được nữa. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã không chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung.

Theo đơn khởi kiện, bà Cao Thị Út H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Danh T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Danh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Cao Thị Út H và ông Danh T và xử lý hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật, buộc bà Cao Thị Út H và ông Danh T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (phường M, thành phố Cần Thơ); về con chung không có, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ) có thẩm quyền thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Cao Thị Út H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Danh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về quan hệ hôn nhân, bà Cao Thị Út H và ông Danh T đã tự nguyện kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 03-02-2009, ông Danh T đang có vợ khác là bà Thị Thu L, sinh năm 1984; cư trú tại Ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (cũ). Mặc dù ông Danh T và bà Thị Thu L chỉ chung sống với nhau đến năm 2005 thì ly thân nhưng chưa có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho ly hôn. Đến ngày 03-6-2025, Tòa án mới giải quyết cho bà Thị Thu L và ông Danh

T được ly hôn theo Bản án số 38/2025/HNGĐ-ST ngày 03-6-2025 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (cũ). Do đó, việc ông Danh T, là người đang có vợ, kết hôn với bà Cao Thị Út H ngày 03-02-2009 là vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng, vi phạm điều kiện kết hôn quy định tại khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

[5] Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo cho bị đơn ông Danh T biết về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Cao Thị Út H. Tuy nhiên, ông Danh T không có ý kiến phản đối hay đưa ra yêu cầu nào khác. Căn cứ vào kết quả xác minh dữ liệu dân cư, công văn số 70/UBND ngày 27-5-2024 về trả lời xác minh trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã V (nay là phường N), có cơ sở xác định ông Danh T đã khai báo không đúng thông tin năm sinh, địa chỉ để đăng ký kết hôn với bà Cao Thị Út H trong khi chưa có bản án, quyết định có hiệu lực cho ly hôn với vợ trước là bà Thị Thu L.

[6] Nay nguyên đơn bà Cao Thị Út H có đơn khởi kiện và cương quyết yêu cầu xin ly hôn với ông Danh T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Út H và hủy việc kết hôn trái pháp luật. Đồng thời, xử lý hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật theo quy định tại Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc hai bên kết hôn là bà Cao Thị Út H và ông Danh T chấm dứt quan hệ như vợ chồng. Về quan hệ cha, mẹ, con, quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, Điều 11, Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Út H.

- Hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Cao Thị Út H và ông Danh T ngày 03-02-2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường N, thành phố Cần Thơ).

- Buộc nguyên đơn bà Cao Thị Út H và bị đơn ông Danh T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

- Về con chung, quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Cao Thị Út H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu án phí, tạm ứng án phí số 0007297 ngày 29-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Thi hành án dân sự thành phố C).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- UBND phường Ngã Năm;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm